TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/KDTM-ST
Ngày: 23 - 10 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước .

Ông Nguyễn Phước .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH T4 (viết tắt: Công ty T4). Địa chỉ trụ sở: Số C, N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023):

Ông Trần Quốc T. Địa chỉ: Số C, N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có mặt).

Bà Đặng Thị D. Địa chỉ: Số C, N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Bà Phạm Thị Hồng H. Địa chỉ: Số C, N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Chiêm Phương T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số H, đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng – Nguyên là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH T4 (viết tắt: Công ty T4) (thông báo giải thể doanh nghiệp ngày 12/01/2022) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH MTV T4 (viết tắt: Công ty T4). Địa chỉ trụ sở: H3-13, Lô B, KDC P, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Ông Tô Ngọc V và bà Giang Hồng T2. Cùng địa chỉ: A Đường P, khu dân cư C, khu vực T, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976. Địa chỉ: số C, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2023 và văn bản ngày 11/4/2023 của nguyên đơn Công ty T4 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Quốc T tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt: Ngân hàng S1) và Công ty T4 đã ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695/2019/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 12/09/2019. Theo đó, Ngân hàng S1 cấp cho Công ty T4 hạn mức tín dụng 12.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và công trình xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, từ ngày 12/9/2019 đến ngày 12/9/2020, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, thời hạn và lãi suất cho vay cụ thể theo quy định trong mỗi hợp đồng đòi nợ. Lãi suất đáo hạn không được vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Cùng ngày 12/09/2019, Ngân hàng S1 và ông Tô Ngọc V được người đại diện theo ủy quyền là bà G Hồng Thư ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 695/2019/HĐTC/BTB/SHB.131300. Theo đó, bên thế chấp là ông Tô Ngọc V thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô A, đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC426641, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH084432 do UBND thành phố R cấp ngày 03/12/2015 có giá trị tại thời điểm thế chấp là 13.380.000.000 đồng, để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán và thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, chi phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác và các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay Công ty T4 đối với bên cho vay là Ngân hàng S1 theo các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, bao gồm Thỏa thuận hạn mức tín dụng số 695/2019/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 12/09/2019 và các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng khác phát sinh từ ngày 12/09/2019 đến ngày 12/09/2024 và các phụ lục, sửa đổi, bổ sung của các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đó.

Ngày 12/09/2019, Ngân hàng S1 đã giải ngân cho Công ty T4 12 tỷ đồng theo Kế ước nhận nợ số 01-695/2019/HĐHM-PN/SHB.131300, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 12/09/2019 đến 12/03/2020, lãi suất 9,4%/năm trong vòng 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả lãi cao nhất của Ngân hàng S1 tại thời

điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ cho vay 3,00%/năm, lịch trả gốc: cuối kỳ, lịch trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 11/10/2019, hai bên ký Phụ lục số PL01-695/2019/HĐHM - PN/SHB.131300 bổ sung tài sản bảo đảm là xe ô tô HYUNDAI, số máy 3612569D4CB, số khung 37RPJB001012, biển số 51B-292.92 và xe ô tô HYUNDAI, số máy 3658213D4CB, số khung 37RPJB001561, biển số 51B-292.04 do Chi nhánh Công ty T4 làm chủ sở hữu.

Cùng ngày 11/10/2019, Ngân hàng S1 và Công ty T4 đã ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 753/2019/HĐHM-BTB/SHB.131300, theo đó bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản là:

STT	Nhãn hiệu	Loại xe	Màu sơn	Biển số	Số máy	Số khung	Loại xe	Dung tích
01	Hyundai	Ô tô khách	Trắng đỏ	51B-299.92	J612569D4CB	37RPJB001012	Solati	2497
02	Huyndai	Ô tô khách	Trắng đỏ	51B – 199.04	J658213D4CB	37RPJB001561	Solati	2497

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Công ty T4 không thực hiện cam kết thanh toán gốc và lãi đúng hạn. Vì vậy, cho đến nay dư nợ gốc của Công ty T4 là 12 tỷ đồng và toàn bộ tiền lãi, phí phạt chậm trả, phí phát sinh tạm tính đến ngày 23/10/2023 là 8.148.090.877 đồng.

Ngày 30/09/2021, Ngân hàng S1 và Công ty T4 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 3009.10/2021/HĐMBN/SHB-SL, theo đó hai bên đã thỏa thuận mua bán khoản nợ của khách hàng Công ty T4. Theo đó, Công ty T4 được hưởng các quyền của Ngân hàng S1 đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên. Vì vậy, Công ty T4 phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí theo Hợp đồng tín dụng hạn mức cho công ty T4.

Trong quá trình Công ty T4 thực hiện thủ tục giải thể, Công ty T4 không nhận được bất kỳ văn bản, thông báo nào về việc giải thể của Công ty T4 nên Công ty T4 chưa thực hiện được quyền chủ nợ trong giai đoạn Công ty T4 thực hiện thủ tục giải thể.

Nay Công ty TNHH T4 yêu cầu Toà án giải quyết bao gồm:

- Buộc ông Chiêm Phương T1 thanh toán cho Công ty T4 số tiền gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695/2019/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 12/09/2019 và Giấy nhận nợ số 01-695/2019/HĐHM-BTB/SHB.131300, bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả tiền lãi và phí, tính đến ngày 23/10/2023 tổng cộng 20.148.090.877 đồng. Cụ thể: Nợ gốc: 12.000.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 545.246.686 đồng. Lãi quá hạn: 7.484.866.331 đồng. Lãi và phạt chậm trả lãi, phí: 117.977.860 đồng.

- Trường hợp ông Chiêm Phương T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T4 thì Công ty T4 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của người thứ ba gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô A, đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 426641, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH084432 do UBND thành phố R cấp ngày 03/12/2015 cho ông Tô Ngọc V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 695/2019/HĐTC/BTB/SHB.131300 ngày 12/09/2019;

Xe ô tô HYUNDAI, số máy 3612569D4CB, số khung 37RPJB001012, biển số 51B-292.92 của Công ty TNHH Một thành viên T4 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 753/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 10/11/2019;

Xe ô tô HYUNDAI, số máy 3658213D4CB, số khung 37RPJB001561, biển số 51B-292.04 của Công ty TNHH Một thành viên T4 theo Hợp đồng cầm cố xe ô tô số 753/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 10/11/2019.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ gốc, lãi, phạt chậm trả và các loại phí phát sinh thì ông Chiêm Phương T1 phải tiếp tục trả nợ gốc, lãi và tiền phạt, chậm trả lãi, phí phát sinh.

- Bị đơn ông Chiêm Phương T1 nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV T4, ông Tô Ngọc V và bà Giang Hồng T2 đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu độc lập.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 trình bày tại phiên tòa: Thửa đất số A7-36, tọa lạc Lô A đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của ông Tô Ngọc V hiện nay do ông T3 đang quản lý, sử dụng. Đầu năm 2023, ông T3 đã thuê thửa đất nêu trên của ông V để kinh doanh quán cà phê. Trong trường hợp sau này có phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên thì ông T3 sẽ thỏa thuận với ông V để giải quyết vấn đề hợp đồng thuê tài sản giữa ông và ông V, trường hợp không thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Nên trong vụ án này, ông T3 không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập.

- Tại Công văn số 708/SKHĐT-ĐKKD ngày 22/3/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh S cung cấp: Công ty TNHH T4, địa chỉ trụ sở chính tại số F đường B, KDC M, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh S cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/9/2019, người đại diện theo pháp luật đồng thời là chủ sở hữu của công ty là ông Chiêm Phương T1 – chức danh Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Ngày 25/10/2021, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được hồ sơ "Thông báo quyết định giải thể" của doanh nghiệp, theo đó, doanh nghiệp ra Quyết định giải thể số 01/QĐ ngày 22/10/2021, lý do giải thể: do bệnh C rất khó khăn trong kinh doanh. Phòng Đăng ký kinh doanh đã đăng công bố trên

Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp thành "đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập". Đến ngày 26/12/2021, doanh nghiệp nộp hồ sơ " Giải thể, phá sản, xóa tên doanh nghiệp" và được Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo giải thể doanh nghiệp ngày 12/01/2022. Hiện tại, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia là "đã giải thể".

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:* về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị D, bà Phạm Thị Hồng H; bị đơn ông Chiêm Phương T1 và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan Công ty T4, ông Tô Ngọc V và bà Giang Hồng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Ngày 30/9/3021, Ngân hàng S1 và Công ty T4 ký Hợp đồng mua, bán nợ số 3009.10/2021/HĐMB/SHB-SL. Xét thấy, các bên ký kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (viết tắt: Thông tư 09/2015/TT-NHNN); do đó Hợp đồng mua, bán nợ số 3009.10/2021/HĐMB/SHB-SL có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đã thỏa thuận theo hợp đồng, theo quy định tại Điều 14, Điều 16, Điều 17 Thông tư 09/2015/TT-NHNN.

[3] Theo thỏa thuận của các bên tại Điều 1 Hợp đồng mua, bán nợ số 3009.10/2021/HĐMB/SHB-SL: *"Bên bán nợ đồng ý bán nợ và bên mua nợ đồng ý mua khoản nợ của khách hàng Công ty TNHH T4"* và điểm a khoản 4.1 Điều 4 Hợp đồng mua, bán nợ số 3009.10/2021/HĐMB/SHB-SL về quyền của bên mua nợ (Công ty T4): *"Kế thừa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ đối với khoản nợ được mua, bán theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và các thỏa thuận khác (nếu có)..."*. Căn cứ Thông báo số 224/22 ngày 12/01/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh S thì Công ty T4 đã giải thể. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Công ty T4 thì loại hình đăng ký doanh nghiệp là Công ty

TNHH T4 thành viên và người đại diện theo pháp luật đồng thời là chủ sở hữu duy nhất của Công ty là ông Chiêm Phương T1.

[4] Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020: *"Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;"* và theo quy định tại Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020: "1. *Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây: a) Thông báo về giải thể doanh nghiệp; b) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có). 2. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần , Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạT4, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 2 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết, số thuế chưa nộp, số nợ khác chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh".* Trong quá trình Công ty T4 tiến hành thủ tục giải thể công ty không thông báo cho Công ty T4 biết để thực hiện quyền đòi nợ của chủ nợ theo quy định nêu trên. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Công ty T4 có quyền yêu cầu ông Chiêm Phương T1 trả khoản nợ vay còn nợ tại Ngân hàng S1 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695/2019/HDHM-PN/SHB.131300 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695), Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-695/2019/HDHM-PN/SHB.131300.

[5] Công ty T4 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Chiêm Phương T1 trả số tiền vốn và lãi vay còn nợ tạm tính đến ngày 23/10/2023, nợ gốc 12.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 545.246.686 đồng, lãi quá hạn 7.484.866.331 đồng, lãi phạt 117.977.860 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi ông C1 Phương Tâm trả hết nợ cho Công ty T4. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Chiêm Phương T1 không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở để xác định giữa Ngân hàng S1 và Công ty T4 có ký kết các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng nêu trên.

[6] Về mức lãi suất các bên thỏa thuận: Lãi suất theo thỏa thuận của các bên tại khoản 1.5 Điều 1 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695, Khế ước nhận nợ số 01-695/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 12/9/2019 (Bút lục 44), Khế ước nhận nợ số 02-695/HDHM-PN/SHB.131300 (Bút lục 45), lãi suất trong hạn là 10,4%/năm trong vòng 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn

được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất KHCN của S1 tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 4,0%/năm; lãi chậm trả lãi là 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian thực tế chậm trả lãi. Lãi suất trong hạn, quá hạn các bên thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và lãi phạt vi phạm.

[7] Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng S1 đã giải ngân và Công ty T4 đã nhận đủ số tiền vay tại các Khế ước nhận nợ số 01-695/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 12/9/2019 số tiền 10.000.000.000 đồng, Khế ước nhận nợ số 02-695/HDHM-PN/SHB.131300 số tiền 2.000.000.000 đồng, theo thỏa thuận của các bên tại khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695 thì khoản vay nêu trên đã hết hạn vào ngày 12/9/2020 nhưng Công ty T4 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi cho Ngân hàng S1, đến ngày 30/9/2021 Ngân hàng S1 bán nợ cho Công ty T4, kể từ thời điểm Công ty T4 mua lại khoản nợ nêu trên, thì Công ty T4 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi cho Công ty T4. Xét thấy, Công ty T4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại điểm 9.2.5 khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695, nên Công ty T4 yêu cầu Công ty T4 trả nợ gốc 12.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 545.246.686 đồng, lãi quá hạn 7.484.866.331 đồng, lãi phạt 117.977.860 đồng; kể từ ngày 24/10/2023, ông Chiêm Phương T1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695 và phụ lục hợp đồng số PL01-695 trên số tiền vốn chưa thanh toán cho Công ty T4.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 695/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 12/9/2019 (Bút lục 15-20), tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số Lô A7-36, diện tích 150m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 426641 do Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần Thị Ngọc L ngày 03/12/2015, đến ngày 22/8/2019 xác nhận chuyển nhượng cho ông Tô Ngọc V; Hợp đồng thế chấp phương tiện phương tiện vận tải số 753/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 11/10/2019, tài sản bảo đảm là xe ô tô khách nhạn hiện HYUNDAI, màu sơn trắng đỏ, biển số đăng ký 51B-292.92, số máy J612569D4CB, số khung 37RPJB001012, số chỗ ngồi 11, số loại SOLATI và xe ô tô khách HUYNDAI màu sơn trắng đỏ, biển số đăng ký 51B-292.04, số máy J658213D4CB, số khung 37RPJB001561, số chỗ ngồi 11, số loại SOLATI. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập thành văn bản, có thực hiện việc công chứng hợp đồng, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải được lập thành văn bản, nên về hình thức và nội dung của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện giao thông vận tải đã được các bên thực hiện đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

[9] Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Điều 5 của các Hợp đồng thế chấp nêu trên, thì Ngân hàng S1 có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T4 đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật".* Như đã nhận định ở phần trên, Công ty T4 quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng S1 đối với khoản nợ của Công ty T4 theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, nên Công ty T4 yêu cầu trong trường hợp Công ty T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Công ty T4 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 695, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 753 để thu hồi nợ.

[10] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2023, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 150m^2, loại đất ở đô thị và tài sản trên đất có 1/2 căn nhà Lô A đường C phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang kích thước 5m x 30m, kết cấu nền gạch, khung cột BTCT, vách tường gạch, trần la phông, mái tôn, căn nhà này do ông Nguyễn Văn T3 xây dựng để kinh doanh quán cà phê, việc ông T3 thuê đất của ông Tô Ngọc V có lập hợp đồng viết tay. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T3 không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê đất giữa ông T3 và ông V nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp khi có tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất giữa ông V và ông T3 thì ông T3 được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác. Đồng thời, ông T3 có trách nhiệm di dời các tài sản giao trả lại cho chủ đất khi cơ quan chức năng thực hiện việc phát mãi tài sản theo quy định pháp luật.

[11] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2023 thể hiện xe ô tô khách biển số đăng ký 51B-292.92, số máy J612569D4CB, số khung 37RPJB001012 tình trạng hoạt động bình thường và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2023 thể hiện xe ô tô khách biển số đăng ký 51B-292.04, số máy J658213D4CB, số khung 37RPJB001561 tình trạng xe đang hoạt động bình thường và do Công ty T4 quản lý, sử dụng.

[12] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[13] Về án phí dân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T4 được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.224.000 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007575 ngày 27/02/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bị đơn ông Chiêm Phương T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 128.148.091 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng).

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Chiêm Phương T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.160.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) và số tiền này được hoàn trả lại cho Công ty T4 do Công ty T4 đã tạm ứng trước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 208, Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Điều 3, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và lãi phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4.

1/. Buộc ông Chiêm Phương T1 trả cho Công ty TNHH T4 số tiền vay tạm tính đến ngày 23/10/2023, cụ thể:

Nợ gốc: 12.000.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn 545.246.686 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 7.484.866.331 đồng.

Nợ lãi phạt chậm trả lãi: 117.977.860 đồng.

Tổng cộng là 20.148.090.877 (hai mươi tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm chín mươi nghìn, tám trăm bảy mươi bảy) đồng.

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695/2019/HĐHM-PN/SHB.131300 và Phụ lục số PL01-695/2019/HĐHM -PN/SHB.131300.

Kể từ ngày 24/10/2023, ông Chiêm Phương T1 còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 695/2019/HDHM-PN/SHB.131300, Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-695/2019/HDHM-PN/SHB.131300. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông

Chiêm Phương T1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH T4 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Chiêm Phương T1 không trả hết số tiền còn nợ thì Công ty TNHH T4 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 695/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 12/9/2019 tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số Lô A7-36, diện tích 150m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 426641 do Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần Thị Ngọc L ngày 03/12/2015, đến ngày 22/8/2019 xác nhận chuyển nhượng cho ông Tô Ngọc V.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện phương tiện vận tải số 753/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 11/10/2019, tài sản bảo đảm là xe ô tô khách nhãn hiệu HYUNDAI, màu sơn trắng đỏ, biển số đăng ký 51B-292.92, số máy J612569D4CB, số khung 37RPJB001012, số chỗ ngồi 11, số loại SOLATI và xe ô tô khách HUYNDAI màu sơn trắng đỏ, biển số đăng ký 51B-292.04, số máy J658213D4CB, số khung 37RPJB001561, số chỗ ngồi 11, số loại SOLATI.

2/. Ông Nguyễn Văn T3 không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê đất giữa ông T3 và ông Tô Ngọc V nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp khi có tranh chấp, thì ông T3 được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác. Đồng thời, ông T3 có trách nhiệm di dời các tài sản của ông trên đất để giao lại quyền sử dụng đất cho ông Tô Ngọc V khi cơ quan chức năng thực hiện việc phát mãi tài sản theo quy định pháp luật.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Chiêm Phương T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 128.148.091 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng).

Nguyên đơn Công ty T4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 63.224.000 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007575 ngày 27/02/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Chiêm Phương T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.160.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) và số tiền này được hoàn trả lại cho Công ty T4,

4/. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trúc Phương